

Số: 03/2025/QĐST-HNGĐ

Yên Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phàn Thị N**, sinh năm: 1995; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Dao; địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Tần Sén D**, sinh năm: 1990; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Dao; địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phàn Thị N và anh Tần Sén D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phàn Thị N và anh Tần Sén D nhất trí thuận tình ly hôn.

* *Về con chung*: Chị Phàn Thị N và anh Tần Sén D xác nhận, anh chị có hai con chung là Tần Thị H, sinh ngày 03/3/2016 và Tần Thị Y, sinh ngày 17/4/2018. Sau khi ly hôn chị N và anh D thoả thuận, chị Phàn Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tần Thị Y, anh Tần Sén D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tần Thị H cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

* *Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị N, anh D xác nhận không có, vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về án phí*: Chị Phan Thị N tự nguyện chịu toàn bộ 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị N đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số: 0003201 ngày 12/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang có trách nhiệm trả lại cho chị Phan Thị N số tiền 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Chi cục THA DS huyện Yên Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Đặng Văn Tình